

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 07-7-2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Lâm Văn Năm

Bà Nguyễn Thị Tư

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Thành Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Nguyễn Ngọc Bích – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 15/2020/TLPT – HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 về: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 23/2020/QĐ-PT ngày 20 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Hồng T; cư trú tại: Ấp P, xã H, huyện M, tỉnh Vĩnh Long.

- *Bị đơn:* Anh Phan Thanh N; cư trú tại: Ấp A, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị Hồng T là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 17/10/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T trình bày: Chị và anh Phan Thanh N kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khi chị sinh con thì phát sinh mâu

thuần, do anh N không tôn trọng và có lời lẽ xúc phạm chị, không quan tâm chăm sóc vợ con. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Phan Thanh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Phan Phước T1 sinh ngày 22/12/2014. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 25/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phan Thanh N trình bày: Anh thống nhất với theo lời trình bày của chị T về việc kết hôn và con chung. Chị T đi làm theo giờ hành chính, anh mở tiệm cửa sắt ở nhà nên mọi công việc trong gia đình, đưa rước con đi học đều do anh làm. Chị T đi làm có khi từ 8 đến 9 giờ tối mới về, anh có cản nhắc việc về trễ. Anh xác định vợ chồng không có mâu thuẫn, hiện nay hai người đang sống chung nhà, cùng nuôi dạy con chung. Anh còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn. Trường hợp, Tòa án giải quyết cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2020/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:

Căn cứ Điều 28, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T về việc xin ly hôn với anh Phan Thanh N.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 17/3/2020, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hồng T kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho chị được ly hôn với anh Phan Thanh N. Chị yêu cầu được nuôi con chung tên Phan Phước T1 sinh ngày 22/12/2014, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Anh Phan Thanh N là bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án giải quyết vắng mặt đối với anh Phan Thanh N.

[2] Chị T và anh N kết hôn vào năm 2008, hôn nhân do tự tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Từ năm 2008 đến năm 2014 chị T và anh N chung sống hạnh phúc, sau khi sinh con, theo chị T trình bày thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do anh N không tôn trọng chị, có lời lẽ xúc phạm đến chị. Anh N không thừa nhận vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn như chị T trình bày. Chị T và anh N đều thừa nhận trong giai đoạn giải quyết vụ án ở Tòa án cấp sơ thẩm vợ chồng vẫn còn chung sống với nhau, cùng chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Sau khi cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu ly hôn, chị T mới về gia đình cha mẹ chị ở, thỉnh thoảng chị vẫn về nhà để chăm sóc con chung. Tòa án cấp sơ thẩm có tiến hành xác minh về mâu thuẫn vợ chồng nhưng những người sống ở gần nhà của vợ chồng chị T cũng không biết. Anh N yêu cầu được tiếp tục đoàn tụ để vợ chồng chung sống và nuôi con chung.

Nhận thấy theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống với nhau, yêu thương, quan tâm chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng chia sẻ và thực hiện các công việc của gia đình. Thực tế giữa chị T và anh N vẫn còn chung sống với nhau, vẫn quan tâm chăm sóc nhau và thực hiện các công việc của gia đình. Vì vậy việc chị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh N là không có cơ sở chấp nhận vì chị không xuất trình được chứng cứ chứng minh về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy án sơ thẩm giải quyết không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, vì vậy đơn kháng cáo của chị T yêu cầu được ly hôn, không có cơ sở chấp nhận. Do không chấp nhận yêu cầu ly hôn nên về con chung giao cho ai nuôi dưỡng không được xem xét giải quyết.

[3] Tại phiên tòa vị Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và đề nghị: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T về việc yêu cầu ly hôn và giữ nguyên bản án sơ thẩm. Nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, áp dụng đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hồng T và giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 21/2020/HNGĐ-ST ngày 06 tháng 3 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Hồng T về việc yêu cầu ly hôn với anh Phan Thanh N.

2. Án phí: Chị Nguyễn Thị Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, số tiền tạm ứng án phí 600.000 đồng do chị T nộp theo các biên lai thu số 5431 ngày 18/12/2019 và biên lai thu số 5663 ngày 23/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long được khấu trừ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01b;
- VKSNDTVL: 02b
- CATANDTVL: 01b;
- TANDHL: 01;
- THADSHL: 02b;
- Đ/sự: 02b;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án: 04b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Tuấn